

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án: số 79/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15/01/2020

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Thảo

- Các hội thẩm nhân dân: 1- Bà Nguyễn Thị Lý;

2- Ông Huỳnh Tiến Dũng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Linh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức.

Đại diện Viện Kiểm sát Nhân Dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1048/2019/TLST/HNGĐ ngày 25 tháng 09 năm 2019 về việc “Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 735/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/12/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 457/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27/12/2019 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị S; sinh năm: 1984

Địa chỉ: khu phố 6, phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có đơn xin vắng mặt)

2/ Bị đơn: Ông Trần Thái H - sinh năm: 1983;

(vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố 3, phường Linh Trung, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 25/9/2019 và bản tự khai của bà Nguyễn Thị S trình bày: giữa nguyên đơn và bị đơn Ông Trần Thái H chung sống với nhau từ năm 2014, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi kết hôn ông bà sống chung với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm về mọi mặt trong cuộc sống, Ông H thiếu trách nhiệm với gia đình, hai bên đã nhiều lần hòa giải hàn gắn với nhau để vợ chồng hòa hợp sống chung với nhau nhưng không có kết quả, dẫn đến hai bên sống ly thân nhau từ đầu năm 2019

cho đến nay, trong thời gian này hai bên không có quan hệ qua lại với nhau, không ai tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay bà S nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, không còn tình cảm gì với Ông H do đó bà yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung Trần Đình Ng, sinh ngày 05/8/2015 và Trần Thiên H sinh ngày 09/02/2018 . Nay ly hôn bà S yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu Ông H cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Toà án giải quyết trong vụ án này.

Ông Trần Thái H không có lời khai trong suốt quá trình tố tụng của vụ án.

Căn cứ kết quả xác minh nơi cư trú của Công an phường Linh Trung, quận Thủ Đức xác định: Ông Trần Thái H sinh năm 1983, có hộ khẩu thường trú tại khu phố 3, phường Linh Trung, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, đã bỏ địa phương đi từ ngày 16/5/2019 đến nay, đi đâu không rõ.

Bà Nguyễn Thị S có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Ông Trần Thái H vắng mặt tại phiên tòa khi Toà án giải quyết vụ án vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức phát biểu ý kiến xác định việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đề nghị Toà án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị S và Ông Trần Thái H sống chung với nhau năm 2014, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

[2] Xét yêu cầu của bà S, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hôn nhân giữa bà S và Ông H sống chung hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mà không thể hoà giải hàn gắn được, dẫn đến bà S và Ông H đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2019 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân không bên nào muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đồng thời quá trình thu thập chứng cứ Ông H đã được tổng đạt hợp lệ các thông báo của Toà án, nhưng Ông H không đến tham gia phiên hòa giải và xét xử của Tòa án cho thấy Ông H không có thiện chí đoàn tụ gia đình. Quá trình thu thập chứng cứ Tòa án nhân dân quận Thủ Đức có văn bản số 1322/TAQTD ngày 13/11/2019 gửi Phòng Lao động Thương binh và xã hội quận Thủ Đức về việc xác minh tình trạng hôn nhân và gia đình, con chưa thành niên của đương sự trong vụ

án. Ngày 31/12/2019 Phòng Lao động Thương binh xã Hội quận Thủ Đức có văn bản số 1809/LĐTB trả lời văn bản xác minh tình trạng hôn nhân và gia đình của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức nội dung xác định bà S và Ông H sống chung với nhau tại số 28/12 đường 10, khu phố 3, phường Linh Trung, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, cả hai có 02 người con chung như bà S trình bày, do mâu thuẫn gia đình Ông H thường xuyên uống rượu, gây nợ và đã rời khỏi địa phương nơi cư trú, bà S hiện là người trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung”

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử, xét thấy hôn nhân của bà S và Ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị S được ly hôn với Ông Trần Thái H.

[3] Về con chung: có 02 con chung Trần Đình Ng, sinh ngày 05/8/2015 và Trần Thiên H sinh ngày 09/02/2018. Xét yêu cầu nuôi dưỡng hai con chung của bà S: Hội đồng xét xử căn cứ văn bản số 1809/TĐTB ngày 31/12/2019 của Phòng Lao động Thương binh và xã hội quận Thủ Đức trả lời văn bản xác minh tình trạng hôn nhân, gia đình và con chưa thành niên có cơ sở xác định từ khi Ông H bỏ đi khỏi địa phương hai con chung do bà S nuôi dưỡng và bà S vẫn đảm bảo việc nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục con chung, hơn nữa trong hai con chung có một trẻ dưới 36 tháng tuổi vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy cần ổn định đời sống sinh hoạt, học tập của các con chung, do đó chấp nhận yêu cầu của bà S giao hai con chung cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Ghi nhận sự tự nguyện của bà S không yêu cầu Ông H cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng bà Nguyễn Thị S phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí Tòa án năm 2015;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị S :

Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị S được ly hôn với Ông Trần Thái H.

Về con chung: có 02 con chung Trần Đình Ng, sinh ngày 05/8/2015 và Trần Thiên H, sinh ngày 09/02/2018. Giao hai con chung cho bà Nguyễn Thị S trực tiếp

nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị S không yêu cầu Ông Trần Thái H cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng bà Nguyễn Thị S phải chịu. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Nguyễn Thị S đã nộp theo biên lai thu tiền số 3884 ngày 25/9/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự quận Thủ Đức. Bà Nguyễn Thị S đã nộp đủ.

3/ Quyền kháng cáo;

Bà S có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng Ông H vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Đường sự của vụ án
- VKSND Q.TĐ
- Chi cục Thi hành án DS Q.TĐ
- Cơ quan thực hiện việc ĐKKH
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đỗ Thị Thu Thảo